

Bản án số: 17/2025/DS - PT

Ngày: 07-4-2025

“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải D
Các Thẩm phán: Ông D Viết Hải; Bà Nguyễn Thanh Hoa
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:** Bà Cao Thị M Nguyệt
- Kiểm sát viên.

Ngày 07/4/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 14/11/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 480/2025/QĐ-PT ngày 10/02/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 14, đường K, Tổ dân phố 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th – Luật sư của Chi nhánh Trung tâm Tư vấn pháp luật cộng đồng và trợ giúp pháp lý NCTN tại Quảng Bình; có đơn đề nghị xử vắng mặt;

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà 23, đường T, tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Th: Chị Bùi Thị Thiên L, sinh năm: 1999; địa chỉ: Số 223 A, đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 23, đường T, tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H2: Anh Phạm Anh V, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 223 A, đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn 6, xã L Ninh, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

- **Người làm chứng:**

+ Ông Vũ Quý D, sinh năm 1983; Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Th, thành phố H, có đơn xin vắng mặt;

+ Ông Phan Xuân L; địa chỉ: thôn 6, xã L Ninh, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xử vắng mặt;

+ Bà Trần Thị Thanh M; địa chỉ: thôn 6, xã L Ninh, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Bùi Văn Q trình bày: Năm 2021, ông và vợ là bà Đặng Thị H2 đi làm việc tại Australia. Vì có nhu cầu mua nhà để sau này về lại Việt Nam sống nên ông, bà đã gửi tiền về cho em gái ông Q là bà Bùi Thị T1 số tiền 1.605.000.000 đồng và gửi về cho con riêng của bà H2 là chị Trần Thị Th số tiền 971.000.000 đồng để nhờ mua nhà, đất tại Đồng Hới, Quảng Bình. Việc gửi tiền cho chị Trần Thị Th, ông Q nhờ ông Vũ Quý D- một người quen của ông ở Hải Phòng chuyển khoản cho chị Th. Việc tìm nhà, giao dịch, mua bán vợ chồng ông giao cho bà T1. Sau khi bàn bạc thống nhất, vợ chồng ông chọn mua nhà đất của ông Phan Xuân L với giá 2.400.000.000 đồng. Nhà đất chọn mua có địa chỉ tại thôn 11 Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Quá trình thỏa thuận mua bán, bên bán nhà là ông L giảm 15.000.000 đồng, giá mua bán nhà còn lại là 2.385.000.000 đồng. Bà T1 đặt cọc lần thứ nhất vào ngày 20/01/2022 và thanh toán đủ vào ngày 24/01/2022. Trong tổng số tiền 2.385.000.000 đồng bà T1 chuyển thanh toán tiền nhà cho vợ chồng ông L có số tiền 1.605.000.000 đồng là của ông Q chuyển cho bà T1, chị Trần Thị Th chuyển khoản cho bà T1 số tiền 795.000.000 đồng và ngày 13/12/2021.

Do thời điểm mua nhà, đất vợ chồng ông Q, bà H2 vẫn đang ở nước ngoài (Australia) nên đã nhờ chị Trần Thị Th, là con riêng của bà H2 đứng tên trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà, đất mà ông, bà đã mua. Thủ tục chuyển nhượng hoàn tất, chị Th được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 177409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/02/2023. Sau khi nhận Giấy chứng nhận, chị Th giao lại cho bà T1 cất giữ và khi vợ chồng ông Q về nước thì bà T1 đã giao giấy chứng nhận này lại cho vợ chồng ông Q. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì bà H2 là người cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay.

Sau khi mua nhà, vì vợ chồng ông vẫn chưa về nước nên có nhờ bà T1 là xem có ai thuê ở thì cho họ thuê ở để vừa có thu nhập và vừa có người trông coi nhà cửa. Bà T1 đã cho vợ chồng chị Trần Thị Thanh M thuê (bà T1 trực tiếp ký hợp đồng cho thuê nhà với chị M). Giá thuê nhà là 1.500.000 đồng/tháng. Hàng quý, bà T1 thu tiền thuê nhà và chuyển cho ông Q. Từ ngày vợ chồng ông Q về nước thì ông Q trực tiếp quản lý nhà và thu tiền thuê nhà từ chị M. Tiền thuê đất năm 2023 và 2024 do bà T1 nộp, chị Th chưa thực hiện một thủ tục nào về việc giao, nhận đất trên thực tế và cũng không biết địa chỉ hay các đặc điểm cụ thể của nhà, đất mình đứng tên hộ.

Về chiếc xe Mercedes, BKS 73A-306.07 đứng tên chị Trần Thị Th có nguồn gốc từ việc ông Q ra Hà Nội mua xe cũ của ông Nghiêm Xuân H và bà Mai Thị Hương Ng tại tổ 11 Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội với giá 570 triệu đồng. Ngày 04/01/2023, sau khi trực tiếp giao dịch mua bán xong, ông Q chuyển khoản số tiền 560.000.000 đồng cho bà Ngân và nhận xe về Quảng Bình. Số tiền 10.000.000 đồng còn lại sau khi nhận được hồ sơ gốc ông Q đã chuyển khoản cho chị Th để chị Th thanh toán tiếp cho người bán xe. Do không rút hồ sơ gốc ngay được mà phải đợi vài tháng sau, không tiện đi lại nhiều lần nên ông Q nhờ chị Th, thời điểm đó đang sinh sống tại Hà Nội rút giấy tờ gốc và chuyển về Quảng Bình cho ông Q. Sau khi rút được hồ sơ gốc của xe về, chị Th đã đăng ký tên chủ xe là Trần Thị Th. Ông Q cũng xác định là mua chiếc xe đó cho vợ là bà H2 sử dụng nên không có ý kiến gì về việc chị Th đứng tên xe thời điểm đó.

Ngoài ra, trong thời gian vợ chồng chưa phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng ông còn cho chị Th mượn số tiền 500.000.000 đồng để chị Th gửi tiết kiệm nhằm mục đích chứng M năng lực tài chính, để đậu visa xuất cảnh ra nước ngoài (thời điểm này chị Th đang làm thủ tục để đi nước ngoài và hiện tại chị Th đã xuất cảnh). Vì vậy, ngày 17/02/2023 ông đã chuyển tiền từ số tài khoản 53110000046031 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chủ tài khoản Bùi Văn Q đến số tài khoản 233108518 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chủ tài khoản Trần Thị Th số tiền 500.000.000 đồng (chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 250.000.000 đồng). Sau đó, chị Th đã gửi tiết kiệm số tiền này tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Ông yêu cầu chị Th trả lại nhưng chị Th không đồng ý.

Ngày 12/8/2024, ông Q bổ sung yêu cầu khởi kiện: Ngày 04/5/2021 và 06/12/2021, ông Q có nhờ người quen là ông Vũ Quý D (ở Hải Phòng) chuyển khoản vào tài khoản 233108518 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng của chị Th số tiền 971.400.000 đồng để chị Th chuyển cho bà T1 mua nhà đất ở L Ninh. Sau khi nhận tiền, ngày 13/12/2021 chị Th mới chỉ chuyển cho bà T1 795.000.000 đồng, số tiền còn lại 176.400.000 đồng đến nay chị Th vẫn còn chiếm giữ mà chưa trả lại cho vợ chồng ông nên ông có yêu cầu đòi lại.

Mặc dù toàn bộ việc giao dịch chuyển tiền đều là giữa ông với chị Th nhưng đây là các tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà H2 nên ông xác định đây là các tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Th trả lại cho vợ chồng ông các tài sản, gồm:

- Nhà, đất tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại thôn 11, Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số ĐĐ 177409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/2/2022 mang tên chị Trần Thị Th;
- Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes 05 chỗ, màu đen, biển kiểm soát: 73A-306.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thị Th;
- Số tiền chị Th mượn của vợ chồng ông: 500.000.000 đồng;
- Số tiền ông chuyển khoản nhờ thanh toán tiền mua nhà còn thừa, chị Th đang giữ: 176.400.000 đồng.

Phía bị đơn trình bày: Nhà, đất tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại thôn 11, Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới, Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số ĐĐ 177409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/2/2023 mang tên chị Trần Thị Th là do chị Th mua của ông Phan Xuân L, bà Tường Thị S theo Hợp đồng chuyển nhượng số 648 tại Văn phòng Công chứng Hải Vượng ngày 29/01/2022 với giá 290.000.000 đồng bằng nguồn tiền riêng của chị Th. Sau khi chuyển nhượng chị Th đã giao tiền mặt đủ số tiền 290.000.000 đồng cho ông L, bà Sen và tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Hiện tại nhà đã cho người khác thuê nhưng không rõ người thuê là ai.

- Xe ô tô Mercedes, BKS 73A-306.07 là do chị Th mua lại xe cũ của ông Nghiêm Xuân H, bà Mai Thị Hương Ng theo hợp đồng mua bán xe ô tô được công chứng số 2849 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tiến Vinh, thành phố Hà Nội với giá 50.000.000 đồng bằng nguồn tiền riêng của chị Th. Sau khi ký Hợp đồng mua bán xe chị Th đã giao đủ số tiền 50.000.000 đồng bằng tiền mặt tại Văn phòng công chứng và tiến hành sang tên theo đúng quy định.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng VPBank là số tiền chị Th tự lao động mà có, chị không vay mượn bất kỳ khoản tiền nào của ông Q.

Đối với số tiền 176.400.000 đồng mà ông Q cho rằng đó là tiền của vợ chồng ông Q chuyển cho chị Th để nhờ mua nhà đất hộ nhưng còn thừa, nay ông Q yêu cầu chị Th trả lại số tiền đó là hoàn toàn không hợp lý. Số tiền mà ông Q, bà H2 chuyển cho chị Th đó là tiền ông Q, bà H2 tự nguyện cho chị Th để tiêu dùng hàng ngày, không liên quan gì đến việc chị Th mua đất, nhà đất tại xã L Ninh, Đồng Hới.

Vì vậy, chị Th không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Đặng Thị H2 và người đại diện theo ủy quyền của bà H2 trình bày:*

- Tại Đơn trình bày ý kiến nộp cho Tòa án đề ngày 12/6/2024, bà H2 trình bày:

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trên thửa đất số 331, tờ bản đồ 29 tại thôn 11 Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới mang tên Trần Thị Th là tài sản chung của vợ chồng bà và ông Q. Sau khi hai vợ chồng bà ra nước ngoài làm ăn đã tiết kiệm được một số tiền và vợ chồng bà có mượn thêm của chị Th số tiền 795.000.000 đồng.

Số tiền 500.000.000 đồng chị Th gửi tiết kiệm là tài sản riêng của chị Th. Số tiền này khi chị Th đi nước ngoài về đã cho vợ chồng bà vay mượn để làm ăn kinh doanh. Sau đó ông Q đã chuyển khoản trả lại cho chị Th.

- Tại Bản tự khai ngày 13/8/2024 bà H2 trình bày:

+ Nhà, đất tại thửa đất 331, tờ bản đồ 29 tại thôn 11 Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới là tài sản riêng của chị Th, chị Th mua của ông L, bà Sen. Tại Đơn trình bày trước đó nộp cho Tòa án do bà không nhớ rõ nên đã có lời khai không đúng khi cho rằng nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng bà.

+ Xe ô tô Mercedes là tài sản riêng của chị Th, do chị Th mua lại của ông Nghiêm Xuân H, bà Mai Thị Hương Ng ở Hà Nội.

+ Số tiền 500.000.000 đồng chị Th gửi tiết kiệm là tài sản riêng của chị Th. Do trước đó chị Th có nhờ vợ chồng bà giữ hộ 500.000.000 đồng nên sau này vợ

chồng bà tự nguyện trả lại cho chị Th, ông Q chuyển khoản cho chị Th 02 lần vào ngày 17/02/2023.

Tại Biên bản hòa giải ngày 12/9/2024 bà H2 trình bày: Bà giữ nguyên ý kiến trình bày về các tài sản nhà, đất L Ninh, xe ô tô Mercedes theo trình bày tại Bản tự khai ngày 13/8/2024. Về số tiền 500.000.000 đồng và số tiền 176.400.000 đồng là tiền của ông Q và bà H2 đã chuyển trả nợ cho chị Th, vì trong thời gian ở nước ngoài ông Q và bà H2 đã nhờ chị Th bỏ tiền ra để chi tiêu một số việc trong gia đình của ông Q, bà H2.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T1 trình bày:*

Bà là em gái của ông Q, trong thời gian vợ chồng ông Q bà H2 làm ăn ở nước ngoài có điện thoại về nhờ bà tìm mua nhà đất ở Đồng Hới. Sau khi bàn bạc, thống nhất thì ông Q, bà H2 đồng ý mua nhà, đất của ông L, bà Sen ở L Ninh với giá 2.4 tỷ đồng.

Ngày 22/01/2022 bà đặt cọc cho ông L 500 triệu đồng và ngày 24/01/2022 bà chuyển khoản trả đủ số tiền mua nhà. Ông L có bớt 15 triệu đồng. Về nguồn tiền mua nhà thì ông Q chuyển cho bà 1.605.000.000 đồng, chị Th chuyển cho bà 795.000.000 đồng. Vợ chồng ông Q, bà H2 điện về nói là nhờ chị Th đứng tên trong Hợp đồng chuyển nhượng và trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi hoàn tất thủ tục mua bán, chị Th đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà cất giữ, khi vợ chồng ông Q, bà H2 về nước thì bà đã giao giấy chứng nhận lại cho ông Q. Trong thời gian vợ chồng ông Q còn ở nước ngoài thì bà T1 là người nhận bàn giao nhà, trông coi và quản lý nhà đất này. Sau khi tham khảo ý kiến ông Q thì bà T1 đã ký hợp đồng cho chị Trần Thị Thanh M thuê nhà, hàng quý bà T1 thu tiền thuê nhà bà từ chị M rồi chuyển cho ông Q, từ lúc ông Q về nước thì ông Q trực tiếp quản lý và thu tiền thuê nhà từ chị M.

Người làm chứng ông Nguyễn Xuân L trình bày:

Tháng 1 năm 2022, vợ chồng ông có chuyển nhượng nhà và đất tại thửa đất số 331, tờ bản đồ 29, địa chỉ: Thôn 11 Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới. Theo thỏa thuận ban đầu bên mua là bà Bùi Thị T1, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn 6 xã L ninh, thành phố Đồng Hới, mua đất cho anh trai là ông Bùi Văn Q đang làm việc tại Úc. Sau do ông Q không ở nhà nên cử con gái là Trần Thị Th (con riêng của vợ ông Q) đại diện đứng ra làm thủ tục sang nhượng. Vợ chồng ông đã ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất cho chị Trần Thị Th, sinh năm 1993, địa chỉ: Phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới. Thủ tục chuyển nhượng thực hiện tại Văn phòng Công chứng Hải Vượng. Giá mua bán nhà, đất là 2.400.000.000 đồng. Ông L bớt 15.000.000 đồng, ông thực nhận số tiền 2.385.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán nhà do bà T1 chuyển khoản cho ông. Số tiền mua bán ghi trên hợp đồng chuyển nhượng 290.000.000 đồng là số tiền không đúng với số tiền giao dịch mua bán thực tế vì lý do bà Bùi Thị T1 muốn ghi giá thấp hơn để tránh đóng thuế nhà nước.

Người làm chứng chị Trần Thị Thanh M khai: Vợ chồng chị từ Huế ra Đồng Hới làm ăn sinh sống. Ngày 06/5/2022, anh chị có thuê nhà của ông Q để ở. Thời điểm đó hợp đồng thuê nhà vợ chồng chị trực tiếp ký với bà T1 và thanh toán tiền thuê nhà cho bà T1. Từ tháng 4/2023 đến nay, chị M thanh toán tiền thuê nhà cho

ông Q. Chị M không biết chị Trần Thị Th là ai và từ khi chị thuê nhà ở cho đến nay, chị Th chưa đến ngôi nhà này lần nào.

Người làm chứng ông Vũ Quý D trình bày: Năm 2021, ông Bùi Văn Q, sinh năm 1955, quê Quảng Bình, số Hộ chiếu C8098451, làm việc tại Australia có mượn ông tổng số tiền 971.400.000 đồng để ông chuyển cho con gái vợ mua đất tên là Trần Thị Th, số tài khoản 233108518 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Cụ thể các lần chuyển tiền: Ngày 04/5/2021 chuyển khoản số tiền 177.400.000 đồng, ngày 06/12/2021 chuyển 03 lần, lần 1: 300.000.000 đồng, lần 2: 300.000.000 đồng và lần 3: 194.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền được ông D chuyển từ số tài khoản 19032112234888 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam mang tên Vũ Quý D đến số tài khoản 233108518 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng mang tên Trần Thị Th. Kèm theo lời khai ông D cung cấp chứng cứ là chứng từ chuyển khoản, ảnh chụp màn hình điện thoại những lần phân mềm ứng dụng của Ngân hàng thông báo chuyển khoản thành công.

Tại Bản án số 51/2024/DS-ST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều: 201, 227, 229, 147, 157, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều: 117, 119, 163, 164, 166, 280, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều: 166, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn Q về việc “Đòi lại tài sản” đối với bị đơn chị Trần Thị Th. Buộc chị Trần Thị Th phải trả lại cho vợ chồng ông Bùi Văn Q và bà Đặng Thị H2 các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại thôn m Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số ĐĐ 177409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/2/2023 mang tên chị Trần Thị Th;

- Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes 05 chỗ, màu đen, biển kiểm soát: 73A-306.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thị Th;

- Số tiền 676.400.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 21/11/2024, người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Th: Chị Bùi Thị Thiên Lý có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án số 117/2024/DS-ST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới với lý do Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới tuyên chưa hợp lý, chưa

khách quan làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án số 117/2024/DS-ST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Th giữ nguyên các nội dung trong đơn kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận nhà đất tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại thôn 11 Hữu Cung, xã L Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình là tài sản chung của ông Q, bà H2 và chị Th, trong đó chị Th đóng góp tiền mua nhà 795.000.000 đồng; Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes 05 chỗ, màu đen, biển kiểm soát: 73A- 306.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thị Th là của ông Q và chị Th vì chị Th có góp 150.000.000 đồng để mua xe (chuyển tiền cho ông Q); Số tiền 500.000.000 đồng trước đây ông Q mượn nên trả lại cho chị Th, không phải chị Th mượn của ông Q; Số tiền 176.000.000 đồng ông Q cho rằng nhờ ông D chuyển cho chị Th để mua nhà là không phải mà là số tiền của chị Th. Tiền ông Vũ Quý D chuyển cho chị Th là số tiền năm 2014 ông D mượn nay trả lại, không liên quan đến ông Q.

Bà H2 trình bày nhà đất nói trên là nhờ ông Vũ Quý D chuyển tiền cho chị Th để chuyển cho bà T1 mua nhà nên là tài sản chung của vợ chồng. Số tiền còn lại sau khi chị Th chuyển cho bà T1 mua đất thì trả cho chị Th vì trong suốt quá trình hai vợ chồng ở nước ngoài chị Th đã chi tiêu vào việc chung của gia đình. Số tiền 500.000.000 đồng là của chị Th vì trước đây vợ chồng còn nợ chị Th nay ông Q trả lại. Chiếc xe là của chị Th, số tiền chị Th chuyển cho ông Q mua xe là bà H2 nhờ Th chuyển.

Ông Q thừa nhận chị Th có chuyển cho ông 150.000.000 đồng nhưng số tiền này là của vợ chồng, bà H2 nhờ Th chuyển, trích ra trong số tiền của vợ chồng ông khi ở nước ngoài có gửi cho chị Th (9 lần chuyển, có chi tiết sao kê). Các vấn đề khác giữ nguyên như đã trình bày ở sơ thẩm, đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Số tiền 176.000.000 đồng còn thừa không liên quan đến số tiền chị Th chi tiêu vào việc chung của gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét bác đơn của ông Q về việc đòi lại tài sản, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1]. Về yêu cầu đòi lại thửa đất số 331, tờ bản đồ 29 tại thôn 11 Hữu

Cung, xã L Ninh và các tài sản gắn liền với đất, Hội đồng xét xử thấy: Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì giao dịch chuyển nhượng thửa đất trên là do bà Bùi Thị T1 (em gái ông Q) đứng ra thực hiện: bà T1 là người trực tiếp chuyển tiền cho ông L 2 lần, lần một chuyển 500.000.000 đồng vào ngày 20/01/2022 và lần hai chuyển 1.885.000.000 đồng vào ngày 24/01/2022, tổng hai lần 2.385.000.000 đồng. (Giá đất 2.400.000 đồng nhưng bà T1 được ông L bớt 15.000.000 đồng). Bà T1 nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông L và giao lại cho Trần Thị Th làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Th. Lời trình bày của bà T1 phù hợp với lời khai của ông Phan Xuân L (là người chuyển nhượng đất).

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T1 là người quản lý nhà đất, cho người khác thuê nhà, sau đó khi ông Q về nước thì giao lại cho ông Q quản lý. Chị Th lúc thì khai mua nhà với giá 290.000.000 đồng và trả tiền cho ông L, lúc thì khai mua với giá 2.385.000.000 đồng, trong đó nhờ bà T1 trả cho ông L 795.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Q và bà H2 cho chị Th để mua. Lời khai của chị Th mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với lời khai của ông L, bà T1. Tại phiên tòa, người đại diện của chị Th cho rằng số tiền ông D chuyển là số tiền trước đây ông D mượn chị Th và sau đó chuyển trả, không liên quan đến ông Q. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của chị Th không chứng minh được trước đây ông D có nợ chị Th và ông D cũng xác định tiền ông chuyển cho chị Th là do ông Q nhờ ông D chuyển. Vì vậy, việc chị Th và người đại diện theo ủy quyền của chị Th cho rằng có góp tiền mua đất, nhà cùng ông Q, bà H2 795.000.000 đồng là không có căn cứ.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Q đòi lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất 331, tờ bản đồ 29, diện tích 462,9m² tại thôn 11 Hữu Cung, xã L Ninh đối với chị Th là có căn cứ.

[1.2]. Đối với yêu cầu của ông Q đòi lại chiếc xe Mercedes mang BKS 73A-306.07 đăng ký xe tên Trần Thị Th, Hội đồng xét xử thấy: chiếc xe nói trên trước đây là của ông Nguyễn Xuân H và bà Mai Thị Hương Ng, trú tại số m phường L, quận Đ, Hà Nội. Qua môi giới, ông Q biết được và thỏa thuận mua bán với bà Ngân. Ông Q là người đã chuyển cho bà Ngân số tiền 560.000.000 đồng, chuyển 2 lần (lần 1 chuyển 290.000.000 đồng vào ngày 04/01/2023 và lần 2 chuyển 270.000.000 đồng vào ngày 05/01/2023).

Theo chị Th thì chị mua xe bằng nguồn tiền riêng theo Hợp đồng mua xe ô tô đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tiến V, thành phố Hà Nội. Lời khai về giá xe, cách thức chuyển tiền của chị Th là không phù hợp với nhau, không phù hợp với các chứng cứ khác như chứng cứ ông Q chuyển khoản, vi bằng về tin nhắn trò chuyện giữa ông Q với chị Th về việc mua xe. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng chiếc xe là tiền của chị Th góp với ông Q 150.000.000 đồng. Bà H2 thừa nhận 150 triệu mua xe là tiền bà H2 nhờ chị Th chuyển cho ông Q. Ông Q trình bày số tiền này là tiền trước đây ông Q ở nước ngoài chuyển cho chị Th, sau đó chị Th đã đưa cho bà H2. Do không có tài khoản nên khi mua xe bà H2 đã nhờ chị Th chuyển cho ông Q. Vì vậy, án sơ thẩm xét xử xác định ông Q là người bỏ tiền mua xe và nhờ chị Th đứng tên nên chấp nhận yêu cầu của ông Q buộc chị Th trả lại xe là có căn cứ.

[1.3] Về yêu cầu chị Th trả lại số tiền 676.400.000 đồng trong đó có 500.000.000 đồng ông Q cho chị Th mượn (giao dịch bằng hình thức chuyển khoản) để chị Th gửi tiết kiệm, chứng M năng lực tài chính làm hồ sơ đi nước ngoài và 176.400.000 đồng là số tiền còn lại trong tổng số tiền 971.000.000 đồng ông Q nhờ ông D chuyển cho chị Th, chị Th đã chuyển cho bà T1 mua nhà với số tiền 971.400.000 đồng, còn 176.400.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Tại công văn số 141/VPB ngày 26/8/2024 của Ngân hàng VPBank, chi nhánh tỉnh Quảng Bình thì ông Vũ Quý D đã chuyển vào tài khoản của chị Trần Thị Th tổng số tiền 971.400.000 đồng vào ngày 04/5/2021 và ngày 06/12/2021.

Chị Trần Thị Th đã 2 lần chuyển tiền cho bà T1 với tổng cộng 795.000.000 đồng; tổng tiền ông Q chuyển cho chị Th là 500.000.000 đồng (chuyển 02 lần vào ngày 17/02/2023 và ngày 20/02/2023), chị Th đã rút 500.000.000 đồng và gửi tiết kiệm. Chị Th thừa nhận có nhận tiền ông Q chuyển nhưng cho rằng đó là số tiền ông Q bà H2 cho để tiêu dùng cá nhân. Chị Th cũng thừa nhận có nhận tiền từ ông D nhưng cho rằng có quan hệ giao dịch riêng, không liên quan đến ông Q nhưng không chứng M được đó là giao dịch dân sự gì và ông D trình bày ông Q nhờ ông D chuyển tiền cho chị Th. Lời trình bày của ông D và ông Q phù hợp với nhau và phù hợp với chứng cứ ông D chuyển tiền vào tài khoản của chị Th.

Bà H2 cho rằng số tiền 500.000.000 đồng và 176.400.000 đồng là tiền ông Q, bà H2 trả cho chị Th vì trước đây có nhờ chị Th chi tiêu một số công việc gia đình. Lời trình bày của bà H2 mâu thuẫn với trình bày của chị Th. Bị đơn cũng không chứng M được việc ông Q, bà H2 cho khoản tiền 500.000.0000 đồng, không chứng M được giữa chị Th với ông D có quan hệ giao dịch dân sự.

Căn cứ các tài liệu, xác định trong thời gian ở nước ngoài, ông Q có nhờ ông Vũ Quý D chuyển cho chị Th số tiền 971.000.000 đồng. Trong đó chị Th đã chuyển cho bà T1 để mua nhà đất cho ông Q với số tiền 795.000.000, số còn lại 176.400.000 đồng. Số tiền 500.000.000 đồng chị Th nhận từ ông Q chị Th không chứng M được trước đây ông Q, bà H2 có nợ chị Th, cũng không chứng M được việc tặng cho. Án sơ thẩm buộc chị Th trả lại số tiền 676.400.000 đồng cho ông Q là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của bị đơn về việc sửa án sơ thẩm là không có căn cứ.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã

nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001529 ngày 02/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu Tòa Dân sự..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Từ Thị Hải Dương